

10 ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II

MÔN TOÁN – LỚP 5

ĐỀ 1:

Câu 1: (1điểm) Tỷ số phần trăm của 14,5 và 29 là :

- a. 5% b. 50% c. 200% d. 20%

Câu 2: (1điểm) Tìm một số, biết 15% của số đó là: 75

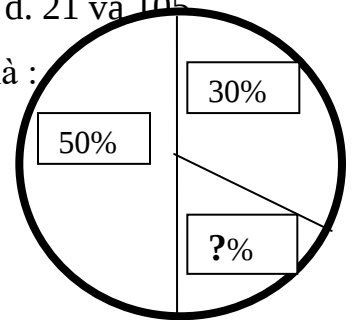
- a. 11,925 b. 50 c. 500 d. 5,0

Câu 3: (1điểm) Tổng hai số là 126, số nhỏ bằng 20% số lớn. Vậy hai số đó là:

- a. 26 và 100 b. 42 và 84 c. 25,2 và 100,8 d. 21 và 105

Câu 4: (1điểm) Số phần trăm điền đúng vào phần chấm hỏi là :

- a. 80% b. 20%
c. 150% d. 30%



Câu 5: (1điểm) Thể tích hình lập phương cạnh 1 cm là:

- a. 4 cm^3 b. 6 cm^3 c. 1 cm^2 d. 1 cm^3

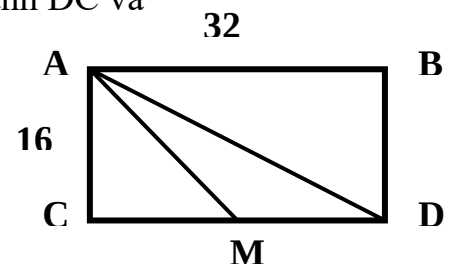
Câu 6: (1điểm) Một hình tam giác có đường đáy là 12,6dm, chiều cao bằng $\frac{1}{2}$ đường đáy thì diện tích hình tam giác là :

- a. $39,69 \text{ dm}^2$ b. 39,69 c. $79,38 \text{ dm}$ d. $79,38 \text{ dm}^2$

Câu 7: (1điểm) Cho hình chữ nhật ABCD, M là trung điểm của cạnh DC và

có kích thước như hình vẽ. Diện tích hình tam giác AMD là:

- a. 256 m^2 b. 512 m^2
c. 128 m d. 128 m^2



Câu 8: (1điểm) Một hình chữ nhật có nửa chu vi là 1,8 hm. Biết chiều rộng bằng $\frac{1}{4}$ chiều dài. Tính diện tích của hình chữ nhật đó.

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 9: (1điểm) Khối năm Trường TH Phổ An có 45 % tổng số học sinh là nữ. Biết số bạn nữ ít hơn số bạn nam là 16 bạn. Tính số học sinh khối năm trường em.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 10: (1điểm) Xếp 1728 hình lập phương nhỏ cạnh 1cm thành một hình lập phương lớn. Tính diện tích toàn phần hình lập phương lớn là bao nhiêu cm^2 ?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

ĐỀ 2:

I. TRẮC NGHIỆM: 3 điểm

Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Câu 1: (1 điểm)

a) $1,6\text{ha} = \dots \text{m}^2$?

- A. 16000 B. 10600 C. 10060 D. 10006

b) $20\text{kg} = \dots \text{tấn}$?

- A. 0,0020 B. 0,002 C. 0,02 D. 0,2

Câu 2: (1 điểm)

a) Phân số $\frac{15}{6}$ bằng số nào dưới đây ?

- A. 2,05 B. 2,005 C. 0,25 D. 2,5

b) Tỷ số phần trăm của 45 và 60 là:

- A. 75 B. 0,75 C. 75% D. 750

Câu 3: (1 điểm) Cho hình lập phương $\mathcal{H}$ có cạnh bằng 45dm.

a) Diện tích xung quanh của hình lập phương $\mathcal{H}$ là:

- A. 810dm^2 B. 8100dm^3 C. 810dm^3 D. 8100dm^2

b) Thể tích của hình lập phương $\mathcal{H}$ có đơn vị đo mét khối là :

- A. $911,25\text{dm}^3$ B. $91,125\text{m}^3$ C. $911,25\text{m}^3$ D. $91,125\text{dm}^3$

II. TỰ LUẬN: 7 điểm

Câu 4: (1 điểm) Tính giá trị biểu thức:

a) $45,75 + 25,5 \times 3,5 - 35$

b) $166,32 : 46,2 + 16 \times 0,4$

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 5: (1 điểm) Tìm x.

a) $x \times 8,3 = 46,08 + 0,4$

b) $35,7 : x = 5,1 : 2$

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 6: Một cái hộp bằng nhựa không có nắp có chiều dài 20cm, chiều rộng 15cm và chiều cao 12cm.

a) Tính diện tích nhựa đủ để làm hộp đó ?

.....

.....

.....

.....

b) Tính thể tích nước trong hộp nếu chỉ đổ nước bằng 75% chiều cao của hộp ?

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 7: (1 điểm) Bạn Hùng đi xe đạp với vận tốc 12km/giờ đến trường và đi hết 15 phút. Tính quãng đường từ nhà bạn Hùng đến trường ?

.....

.....

.....

.....

ĐỀ 3:

I. PHẦN I: TRẮC NGHIỆM: (4 điểm)

Học sinh khoanh tròn chữ đứng trước kết quả đúng

Câu 1: Số nào dưới đây có chữ số 2 ở hàng phần trăm:

- A. 0,2005 B. 0,0205 C. 0,0025 D. 0,0502

Câu 2 : Số lớn nhất trong các số : 7,85 ; 7,58 ; 8,57 ; 8,75 là :

- A. 7,85 B. 7,58 C. 8,57 D. 8,75

Câu 3: Hỗn số $5\frac{6}{100}$ chuyển thành số thập phân là

- A. 5,6 B. 5,06 C. 6,5 D. 6,05

Câu 4: $12,34 \times 100 = ?$

- A. 0,1234 B. 1,234 C. 1234 D. 123,4

Câu 5: $5\text{kg } 23\text{g} = \dots\dots\dots\text{kg}$ (0,5đ)

- A. 5,023kg B. 5,23kg C. 5230kg D. 5023kg

Câu 6: $23\text{m}^2 \text{ } 17 \text{ dm}^2 = \dots\dots\dots\text{m}^2$:

- A. 23,17 B. 2,217 C. 23,017 D. 23,0017

Câu 7 : Một hình tam giác có độ dài cạnh đáy là 6,5cm, chiều cao là 4,2cm.

Diện tích của hình tam giác đó là:

- A. $27,3\text{cm}^2$ B. $5,35\text{cm}^2$ C. $13,65 \text{ cm}^2$

Câu 8: Số học sinh nữ của lớp 5A là 15 và chiếm 60% số học sinh cả lớp. Hỏi lớp 5A có bao nhiêu học sinh:

- A. 40 B. 25 C. 20 D. 30

PHẦN II: TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 1: Đặt tính rồi tính (2 điểm)

- a) $57,648 + 35,37$ b) $70,9 - 23,26$ c) $18,2 \times 3,5$ d) $17,55 : 3,9$

.....
.....

Câu 2 :(1 điểm) Tìm y : $y - 18,7 = 13,5 : 4,5$

.....

.....

.....

Câu 3: (2 điểm) Một hình vuông có cạnh 5cm. Một hình tam giác có đáy là 8cm và có diện tích bằng diện tích hình vuông. Tính chiều cao của tam giác.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 4: (1 điểm) Tính bằng cách thuận tiện nhất.

a) $4,7 \times 5,5 - 4,7 \times 4,5$

b) $23,5 \times 4,6 + 23,5 \times 5,4$

.....

.....

.....

.....

ĐỀ 4:

Em hãy khoanh tròn chữ cái trước câu trả lời đúng:

Câu 1: (1 điểm) 1,3 giờ = ... phút

Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:

A. 64 phút

B. 78 phút

C. 13 phút

D. 540 phút

Câu 2: (1 điểm) 25% của một số là 100. Hỏi số đó là bao nhiêu?

A. 40

B. 400

C. 25

D. 250

Câu 3: (1 điểm) Chu vi hình tròn có bán kính $r = \frac{1}{2}m$ là:

A. 6,28 m

B. 3,14 m

C. 12,56 m

D. 1,57 m

Câu 4: (1 điểm) Diện tích hình thang có độ dài 2 đáy lần lượt là 2,5 dm và 1,5 dm, chiều cao 0,8 dm là:

A. 1,6 dm²

B. 3,2 dm²

C. 41,8 dm²

D. 3,4 dm²

Câu 5: (1 điểm)

Điền số thích hợp viết vào chỗ chấm:

a) 2m³ =lít

b) 11,7 m³ = dm³

c) 35 lít =cm³

d) $\frac{6}{5}$ dm³ =cm³

Câu 6: (1 điểm) Tính:

a) 38 phút 48 giây + 45 phút 39 giây

b) 8 giờ 16 phút - 5 giờ 43 phút

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 8: (1 điểm)

- a) $3,5 \text{ giờ} > 3 \text{ giờ } 5 \text{ phút}$
- b) $68,2 \times 0,1 < 682 : 10$
- c) $7,9 \text{ m}^3 = 7 \text{ m}^3 900 \text{ dm}^3$
- d) $1\frac{45}{100} = 1\frac{405}{1000}$

Câu 9: (1 điểm)

Một cái thùng bằng gỗ (không có nắp) có dạng hình hộp chữ nhật có chiều dài 14,5 dm, chiều rộng 8 dm và chiều cao 7,2 m. Người ta cần sơn mặt ngoài của thùng (xung quanh và dưới đáy thùng). Tính diện tích cần sơn.

Giải:

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 10: (1điểm) Một người làm việc từ 7 giờ đến 11 giờ được 8 sản phẩm. Hỏi trung bình người đó làm được một sản phẩm hết bao nhiêu thời gian?

Giải:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

ĐỀ 5:

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM

Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1: Phân số $\frac{5}{8}$ viết dưới dạng số thập phân là :

- A. 62,5 B. 6,25 C. 0,625 D. 0,0625

Câu 2: Số thích hợp điền vào chỗ chấm của $3 \text{ m}^3 76 \text{ dm}^3 = \dots\dots\dots \text{ m}^3$ là :

- A. 3,76 B. 3,760 C. 37,6 D. 3,076

Câu 3: Số thích hợp điền vào chỗ chấm của 1 giờ 25 phút =phút là:

- A. 85 B. 125 C. 49 D. 1,25

Câu 4: Thể tích hình lập phương có cạnh 2,1 cm là:

- A. $4,41 \text{ cm}^3$ B. $44,1 \text{ cm}^3$ C. $9,261 \text{ cm}^3$ D. $92,61 \text{ cm}^3$

Câu 5: Diện tích hình tròn có đường kính $d = 5\text{dm}$ là:

- A. $78,5 \text{ dm}^2$ B. $196,25 \text{ dm}^2$ C. $7,85 \text{ dm}^2$ D. $19,625 \text{ dm}^2$

Câu 6: Một hình thang có độ dài hai đáy lần lượt là 26cm và 64cm . Chiều cao hình thang 30 cm thì diện tích hình thang là:

- A. 2700cm B. 2700cm^2 C. 1350cm D. 1350cm^2

Câu 7: Một lớp học có 30 học sinh, trong đó có 12 bạn nữ. Hỏi số bạn nữ chiếm bao nhiêu phần trăm so với số học sinh cả lớp ?

- A. 40% B. 60% C. 25% D. 125%

Câu 8: Một hình tam giác có diện tích 600cm^2 , độ dài đáy 40cm. Chiều cao của tam giác là: A.15cm B.30cm C.30 D.15

PHẦN II: TỰ LUẬN

Bài 1: Đặt tính rồi tính:

- a) 17phút 21giây + 22 phút 15 giây b) 25 ngày 6 giờ - 4 ngày 9 giờ

.....

.....

.....

.....

- c) 17 năm 6 tháng – 15 năm 4 tháng d) 16 giờ 21 phút + 7 giờ 42 phút

.....
.....
.....
.....
Bài 2: Tìm y:

a) $y \times 4,5 = 55,8$

b) $y : 2,5 = 25,42$

.....
.....
.....
.....

Bài 3: Một phòng học dạng hình hộp chữ nhật có chiều dài 10m , chiều rộng 6m , chiều cao 5m . Người ta quét vôi bên trong bốn bức tường xung quanh phòng học và trần nhà . Hỏi diện tích cần quét vôi là bao nhiêu mét vuông , biết tổng diện tích các cửa là $7,8 \text{ m}^2$.

.....
.....
.....
.....

Bài 4: Tính bằng cách thuận tiện nhất:

$$13,25 : 0,5 + 13,25 : 0,25 + 13,25 : 0,125$$

.....
.....

ĐỀ 6:

I. Phần trắc nghiệm: (6đ) :

1.1/ Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

Câu 1: (1điểm) Chữ số 7 trong số 20,17 thuộc hàng:

- A. Chục B. Trăm C. Phần mười D. Phần trăm

Câu 2: (1điểm) 50% của 2017 là:

- A. 1008,5 B. 100,85 C. 4034 D. 2,47

Câu 3:(1 điểm) Một hình lập phương có cạnh là 3cm. Vậy thể tích hình lập phương đó là:

- A. 9 cm^3 B. 36 cm^3 C. 54 cm^3 D. 27 cm^3

1.2/ Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

Câu 4: (1điểm) Diện tích hình tam giác có cạnh đáy 5cm và chiều cao 6 cm là:..... cm^2 .

Câu 5: (1điểm) Kết quả của biểu thức: $4,5 : 3 \times 2 - 0,18 = \dots\dots\dots$

Câu 6: (1điểm) Số thích hợp điền vào chỗ chấm :

a/ 2,5 phút = phút. (0,5điểm) ; b/ $3\text{ dm}^3\text{ }4\text{ cm}^3 = \dots\dots\dots\text{cm}^3$ là:

II. Phần tự luận: (4đ) : Trình bày cách làm các bài toán sau:

Câu 7: Tính: (2điểm)

a) 3 giờ 48 phút + 4 giờ 52 phút

b) 45 phút 25 giây - 17 phút 36 giây

.....
.....
.....

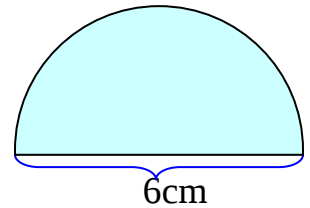
c) $3,24 \times 5,6$

d) $311,04 : 6,4$

.....
.....
.....
.....

Câu 8: (1 điểm)

Cho nửa hình tròn như hình bên (xem hình vẽ). Em hãy tính chu vi của hình đó.



Bài giải:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 9: (1 điểm) Quãng đường từ EaKar đến Buôn Mê Thuật dài 52 km. Một người đi xe máy từ EaKar lúc 7 giờ và đến Buôn Mê Thuật lúc 8 giờ 18 phút. Tính vận tốc của người đó với đơn vị đo là km/giờ.

.....

.....

.....

.....

.....

ĐỀ 7:

Khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng :

Bài 1:

a. Nêu giá trị của chữ số 4 trong số. 834271

A. 40 B. 400 C. 4000

b. Từ số 97 đến 103 có bao nhiêu số chẵn. A. 3 số B. 4 số C. 5 số

Bài 2:

a. Rút gọn phân số. $\frac{36}{60}$ $\rightarrow$ A. $\frac{9}{15}$ B. $\frac{2}{5}$ C. $\frac{6}{60}$

b. Tìm phân số bằng phân số $\frac{2}{5}$ $\rightarrow$ A. $\frac{12}{30}$ B. $\frac{22}{50}$ C. $\frac{26}{75}$

Bài 3:

a. Viết phân số $\frac{17}{40}$ dưới dạng phân số thập phân.

A. $\frac{170}{400}$ B. $\frac{425}{100}$ C. $\frac{2}{5}$

b. Viết số thập phân 1,25 dưới dạng tỉ số phần trăm.

A. 25% B. 125% C. 1,25% D. 12,5%

Bài 4: a. Tìm chữ số x , biết $7,4x5 > 7,489$

A. x = 7 B. x = 8 C. x = 9

b. Quy đồng mẫu số hai phân số $\frac{4}{7}$ và $\frac{3}{5}$ ta được:

A. $\frac{21}{12}$ và $\frac{20}{12}$ B. $\frac{20}{35}$ và $\frac{21}{35}$ C. $\frac{22}{12}$ và $\frac{24}{15}$

Bài 5. Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

a. 0,34 tấn =kg. $\rightarrow$ A. 0,34 B. 3,4 C. 34

b. 0,78km =m. $\rightarrow$ A. 7,8 B. 780 C. 78

Bài 6 : Tính bằng cách thuận tiện nhất. $8,3 \times 7,9 + 7,9 \times 1,7$

A. $8,3 \times 7,9 + 7,9 \times 1,7 = 7,9 \times (8,3 + 1,7) = 7,9 \times 10 = 79$

B. $8,3 \times 7,9 + 7,9 \times 1,7 = 8,3 \times 7,9 = 65,57 + 7,9 \times 1,7 = 79$

C. $8,3 \times 7,9 + 7,9 \times 1,7 = 8,3 \times 7,9 + 7,9 \times 1,7 = 79$

Bài 7 : Tính diện tích toàn phần của hình lập phương có cạnh 5cm

A. 150cm^2

B . 160cm

C. 170cm

Bài 8 :

a. Một mô tô chạy với vận tốc 25 km/giờ . Mô tô đi từ A đến B hết 3 giờ. Hỏi cũng quãng đường AB, một ô tô chạy mất 1,5 giờ thì vận tốc của ô tô là bao nhiêu?

Giải

.....

.....

.....

.....

.....

b. Một ca nô đi với vận tốc $15,2\text{ km/giờ}$. Tính quãng đường của ca nô đi trong 3 giờ.

.....

.....

.....

Bài 9 : Tìm x .

a. $210 : x = 14,92 - 6,52$

b. $6,2 \times x = 43,18 + 18,82$

.....	
.....	
.....	
.....	

ĐỀ 8:

Phần I. Trắc nghiệm.

Câu 1. Một lớp học có 40 học sinh, trong đó số học sinh nữ chiếm 40% so với số học sinh cả lớp. Số học sinh nam của lớp là:

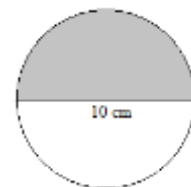
- A. 24 học sinh B. 16 học sinh C. 100 học sinh D. 56 học sinh

Câu 2. Một hình thang có tổng độ dài hai đáy bằng 23 cm, có diện tích bằng 92 cm^2 . Độ dài chiều cao của hình thang là :

- A. 3 cm B. 4 cm C. 8 cm D. Một đáp số khác.

Câu 4. Diện tích phần tô đậm của hình bên là:

- A. 314 cm^2 B. $78,5 \text{ cm}^2$ C. $62,8 \text{ cm}^2$ D. 157 cm^2



Câu 3: Một bánh xe lăn trên mặt đất 1 vòng

thì đi được quãng đường dài đúng bằng :

- A. Diện tích của bánh xe đó.
B. Chu vi của bánh xe đó.
C. Đường kính của bánh xe đó.
D. Không xác định được.

Câu 5. Thể tích của một hình hộp chữ nhật là 24 dm^3 có chiều dài là 30 cm, chiều rộng là 20 cm. Vậy chiều cao là :

- A. 30 cm B. 40 cm C. 60 cm D. Một đáp số khác.

Câu 6. An làm bài văn lúc 8 giờ kém 25 phút và làm xong lúc 8 giờ 3 phút. Hỏi An làm bài văn mất bao nhiêu thời gian?

- A. 20 phút B. 22 phút C. 28 phút D. 38 phút

Câu 7. Thể tích của hình hộp chữ nhật có chiều dài 30 cm, chiều rộng 10 cm và chiều cao 20 cm là:

- A. 6000 cm B. 1600 cm^3 C. 6 dm^3 D. 2200 cm^3

Câu 8. Một hình hộp chữ nhật có diện tích xung quanh bằng 100 cm^2 , diện tích toàn phần bằng 148 cm^2 .

Mặt đáy của hình hộp chữ nhật đó có diện tích là:

- A. 48 cm^2 B. 24 cm^2 C. 248 cm^2 D. 124 cm^2

Phần II: Tự luận

Câu 9.

>
<
=

 $0,5\text{ dm}^3$ ☐ 50 cm^3 1800 giây ☐ $0,5\text{ giờ}$
 100 lít ☐ 1 m^3 2 phút rưỡi ☐ 150 giây

Câu 10: Đặt tính rồi tính :

$3\text{ năm }2\text{ tháng} - 1\text{ năm }11\text{ tháng}$	$2\text{ tuần }3\text{ ngày} \times 7$	$12\text{ giờ }18\text{ phút} : 9$
.....		
.....		
.....		
.....		

Câu 11: Một mảnh đất hình thang có đáy bé 20 m, chiều cao 30 m, đáy lớn gấp 3 lần đáy bé. Người ta dành ra 20% diện tích mảnh đất để xây nhà. Tính diện tích phần đất xây nhà.

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 12: Một bể nước hình hộp chữ nhật có chiều dài 1,2 m, chiều rộng 0,5 m, chiều cao 0,6 m. a) Tính diện tích xung quanh và thể tích của bể nước.

b) Trong bể đang có 240 lít nước. Tính chiều cao của mực nước trong bể.

.....

.....

.....

.....

Câu 13. Tính nhanh.

$(59\text{ giờ }59\text{ phút} + 59\text{ giờ }59\text{ phút} + 59\text{ giờ }59\text{ phút} + 59\text{ giờ }59\text{ phút} + 59\text{ giờ }59\text{ phút}) : 5$
 $=$

.....

ĐỀ 9:

Phần I. Trắc nghiệm.

Câu 1. Một lớp học có 15 học sinh nữ chiếm 60% so với số học sinh cả lớp. Số học sinh nam của lớp là:

- A. 10 học sinh B. 25 học sinh C. 15 học sinh D. 40 học sinh

Câu 2. Hình tam giác có cạnh đáy bằng 40 cm, chiều cao bằng 30 cm.

Diện tích tam giác đó là:

- A. 1200 cm^2 B. 600 cm C. 6 dm^2 D. Một đáp số khác.

Câu 3. Diện tích hình tròn có đường kính bằng 6 cm là:

- A. $28,26 \text{ cm}^2$ B. $18,84 \text{ cm}^2$ C. $113,04 \text{ cm}^2$ D. Một đáp số khác.

Câu 4. Một bể nước hình lập phương có cạnh là 3 dm. Phải đổ vào bể bao nhiêu lít nước thì bể đầy?

- A. 9 lít B. 36 lít C. 54 lít D. 27 lít

Câu 5. Nhận xét nào sau đây sai khi nói về hình hộp chữ nhật và hình lập phương:

A. Hình hộp chữ nhật và hình lập phương đều có 6 mặt, 8 cạnh và 12 đỉnh.

B. Tất cả các mặt của hình lập phương đều là hình vuông.

C. Tất cả các cạnh của hình lập phương đều bằng nhau.

D. Hình hộp chữ nhật có 3 kích thước là chiều dài, chiều rộng và chiều cao.

Câu 6. Cạnh của hình lập phương A gấp 2 lần cạnh của hình lập phương B.

Hỏi thể tích của hình lập phương A gấp bao nhiêu lần thể tích của hình lập phương B ?

- A. 2 lần B. 4 lần C. 6 lần D. 8 lần

Câu 7. Cạnh của hình lập phương có thể tích 1000 cm^3 là:

- A. 10 dm B. 10 cm C. 20 cm D. Một đáp số khác.

Câu 8. Một hình thang có diện tích 36 cm^2 , chiều cao bằng 6 cm, đáy lớn bằng 7 cm. Đáy bé của hình thang đó bằng:

- A. 5 dm B. 5 cm C. 4 cm D. 3 cm

Câu 9. Tính nhanh.

$$20,17 \times 101 - 19,17 - 1 =$$

.....

Phần II: Tự luận

Câu 10. Đúng ghi Đ sai ghi S thích hợp vào ô trống.

$10\text{ dm}^3 = 10000\text{ m}^3$

☐

$3\text{ giờ } 15\text{ phút} = 3,25\text{ giờ}$

☐

$3\text{ m}^3 30\text{ dm}^3 = 3,03\text{ dm}^3$

☐

$\text{Nửa ngày} = 12\text{ giờ}$

☐

Câu 11. Đặt tính rồi tính:

$4\text{ ngày} - 2\text{ ngày } 15\text{ giờ}$

$3\text{ giờ } 24\text{ phút} \times 5$

$7\text{ phút } 36\text{ giây} : 6$

.....

.....

.....

.....

Câu 12. Một thửa ruộng hình thang có đáy lớn bằng 160 m, đáy bé bằng $\frac{3}{4}$ đáy lớn , chiều cao bằng trung bình cộng của đáy lớn và đáy bé. Trung bình cứ 1 ha thu hoạch được 60 tạ thóc. Hỏi ruộng đó thu hoạch được bao nhiêu tấn thóc?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 13. Một bể nước hình lập phương có cạnh 1,5 m.(bể không có nắp)

- a) Tính diện tích toàn phần và thể tích của bể nước
- b) Người ta đổ vào bể 1350 lít nước.Hỏi thể tích nước chiếm bao nhiêu phần trăm thể tích bể ?

.....

.....

.....

.....

.....

Phần II: Tự luận

Câu 9. Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

$45\text{ m}^3\ 678\text{ dm}^3 = \dots\dots\dots \text{ m}^3$

$2\text{ phút } 48\text{ giây} = \dots\dots\dots \text{ phút}$

$0,2017\text{ m}^3 = \dots\dots\dots \text{ cm}^3$

$1\text{ năm nhuận} = \dots\dots\dots \text{ ngày}$

Câu 10: Đặt tính rồi tính :

$7\text{ ngày } 20\text{ giờ} + 3\text{ ngày } 4\text{ giờ}$

$2\text{ giờ } 18\text{ phút} \times 10$

$15\text{ phút } 48\text{ giây} : 4$

.....		
.....		
.....		
.....		

Câu 11: Một mảnh đất hình thang có đáy lớn 15 m, đáy bé 12 m, chiều cao bằng trung bình cộng của đáy lớn và đáy bé. Trên mảnh đất đó, người ta đào một cái ao để nuôi cá, phần đất còn lại là 164,6 m². Hỏi ao cá có diện tích bằng bao nhiêu ?

.....

.....

.....

.....

Câu 12: Một căn phòng hình hộp chữ nhật có chiều dài 7 m, chiều rộng 6 m, chiều cao 3,5 m, phòng có một cửa ra vào hình chữ nhật có chiều dài 2,2 m, chiều rộng 1,1 m và một cửa sổ hình vuông cạnh 1,2 m. Người ta sơn toàn bộ tường trong và trần nhà của căn phòng đó. Hỏi diện tích phải sơn bằng bao nhiêu ?

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 13. Tính nhanh.

$20,06 \times 99,5 + 20,06 : 2 =$

.....

ĐỀ 11:

Phần I. Trắc nghiệm.

Câu 1: Tỷ số phần trăm giữa số bé và số lớn là 25%. Hỏi số lớn gấp bao nhiêu lần số bé ?

- A. 25 lần B. 4 lần C. 5 lần D. Không xác định được.

Câu 2. Diện tích hình tam giác vuông có độ dài hai cạnh góc vuông là 2,5 m và 1,6 m là:

- A. 2 m^2 B. 4 m^2 C. $4,1 \text{ m}^2$ D. $0,9 \text{ m}^2$

Câu 3. Đường kính của hình tròn có chu vi 28,26 cm là:

- A. 9 cm B. 4,5 cm C. 3 cm D. 6 cm

Câu 4. Diện tích của một hình thang có đáy lớn 4 dm, đáy bé 3 dm, chiều cao 2 dm là:

- A. 14 dm^2 B. 7 dm C. 700 cm^2 D. Một đáp số khác.

Câu 5. Một khối gỗ có thể tích 8000 cm^3 . Biết cứ 1 dm^3 gỗ nặng 800 g. Hỏi khối gỗ đó nặng bao nhiêu kg ?

- A 10 kg B. 6400 kg C. 6,4 kg D. Một đáp số khác.

Câu 6. Chỉ ra câu đổi số đo sai:

- A. $5600 \text{ cm}^3 = 5,6 \text{ dm}^3$ B. $1 \text{ cm}^3 = \frac{1}{1000} \text{ dm}^3$ C. $0,4 \text{ dm}^3 = 400 \text{ cm}^3$ D. $4,7 \text{ lít} = 470 \text{ cm}^3$

Câu 7. Nhận xét nào sau đây đúng khi nói về hình hộp chữ nhật :

- A. Trong ba kích thước chiều dài, chiều rộng và chiều cao thì chiều dài có độ dài lớn nhất
B. Diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật bằng tổng của chu vi đáy và chiều cao.
C. Muốn tính diện tích toàn phần của hình hộp chữ nhật ta lấy chu vi mặt đáy nhân với chiều cao.
D. Diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật bằng diện tích toàn phần trừ diện tích hai mặt đáy.

Câu 8. An và Bình cùng đi xe đạp đến trường. An đi với vận tốc 18 km/giờ, Bình đi với vận tốc 300 m/phút. Hỏi An và Bình bạn nào đi nhanh hơn?

- A. An. B. Bình.
C. Vận tốc của 2 bạn bằng nhau. D. Không so sánh được.

Phần II: Tự luận
Câu 9. Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

$$120 \text{ dm}^3 = \dots\dots\dots \text{ m}^3 \qquad 7200 \text{ giây} = \dots\dots\dots \text{ giờ}$$

$$\dots\dots\dots \text{ cm}^3 = 0,2 \text{ dm}^3 \qquad 1 \text{ ngày} = \dots\dots\dots \text{ phút}$$

Câu 10. Đặt tính rồi tính:

$$2 \text{ phút } 42 \text{ giây} + 5 \text{ phút } 53 \text{ giây}$$

$$4 \text{ ngày } 14 \text{ giờ} \times 3$$

$$7 \text{ phút } 35 \text{ giây} : 5$$

Câu 11. Một mảnh vườn trồng xoài hình thang có chiều cao bằng 30 m, đáy bé bằng $\frac{2}{3}$ chiều cao, đáy lớn bằng 50 m .Biết cứ 100 m² người ta trồng được 3 cây xoài. Hỏi mảnh vườn đó trồng được tất cả bao nhiêu cây xoài ?

Câu 12. Một thùng gỗ không có nắp hình hộp chữ nhật có chiều dài 1,5 m, chiều rộng 1,2 m, chiều cao 0,6 m. a) Tính thể tích của thùng gỗ đó.

b) Người ta xếp vào thùng các viên gạch dạng hình hộp chữ nhật có chiều dài 20 cm, chiều rộng 15 cm và chiều cao 6 cm.

c) Hỏi người ta xếp được tất cả bao nhiêu viên gạch vào thùng đó?

Câu 13. Tính nhanh.

$$2,3 \times 4,5 + 2,3 \times 2,5 + 7 \times 7,7 =$$